

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp III- Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ- BTM ngày 08/06/1999 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000817 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2002, điều chỉnh lần thứ 9 ngày 05 tháng 10 năm 2009.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch
Ông Đặng Đình Thắng	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Dường	Thành viên
Ông Lê Trung Dũng	Thành viên
Ông Lê Huy Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Cung Quang Hà	Giám đốc
Ông Đặng Đình Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán More Stephens International Limited tại Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

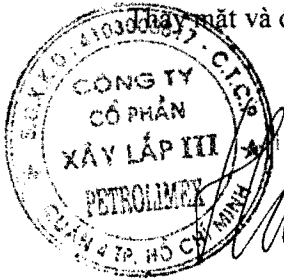
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Cung Quang Hà
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội.

Tel: +84 (4) 3 783 2121

Fax: +84 (4) 3 783 2122

Email: info@cpavietnam.vn

Website: www.cpavietnam.vn

Số: 143/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính 2010 của Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra báo cáo kiểm toán vào ngày 29 tháng 3 năm 2010 có ý kiến dạng chấp nhận toàn bộ.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập được kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2011

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1147/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.001.329.607	143.135.228.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.060.001.763	45.817.178.364
1. Tiền	111		3.608.313.140	9.437.491.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.451.688.623	36.379.687.236
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	808.634.600	849.336.900
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.275.582.900	1.274.694.900
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(466.948.300)	(425.358.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.928.647.686	48.256.791.581
1. Phải thu khách hàng	131		20.937.884.567	15.841.232.215
2. Trả trước cho người bán	132		51.738.308.486	27.799.344.604
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.526.033.661	6.980.846.925
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.273.579.028)	(2.364.632.163)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	113.788.307.060	44.609.322.212
1. Hàng tồn kho	141		113.800.117.074	44.696.926.880
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.810.014)	(87.604.668)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.415.738.498	3.602.599.290
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.042.689.925	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	5.373.048.573	3.602.599.290
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.730.338.455	89.538.812.835
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.352.085.333	29.689.427.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	31.995.768.775	27.750.171.421
<i>Nguyên giá</i>	222		43.182.511.949	34.747.595.601
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.186.743.174)	(6.997.424.180)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	254.222.229	146.566.667
<i>Nguyên giá</i>	228		293.333.334	146.666.667
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(39.111.105)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	1.102.094.329	1.792.589.665
III. Bất động sản đầu tư	240	5.9	194.160.582	210.971.022
<i>Nguyên giá</i>	241		252.156.600	252.156.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(57.996.018)	(41.185.578)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		58.667.300.000	57.455.200.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	400.000.000	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	58.667.300.000	57.455.200.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(400.000.000)	(400.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.516.792.540	2.183.214.060
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	3.210.499.810	2.023.341.909
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	306.292.730	159.872.151
TỔNG TÀI SẢN	270		311.731.668.062	232.674.041.182

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		238.375.007.194	159.434.010.549
I. Nợ ngắn hạn	310		223.737.358.002	145.786.976.564
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	91.208.636.728	29.452.064.953
2. Phải trả người bán	312		22.884.603.554	14.572.322.134
3. Người mua trả tiền trước	313		90.114.810.590	86.508.910.172
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	2.720.718.219	3.618.221.528
5. Phải trả người lao động	315		5.617.172.349	2.577.529.775
6. Chi phí phải trả	316		1.224.972.530	639.488.604
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	8.261.419.926	7.528.802.781
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.705.024.106	889.636.617
II. Nợ dài hạn	330		14.637.649.192	13.647.033.985
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	12.981.722.145	13.470.669.940
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		156.684.694	77.745.024
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.499.242.353	98.619.021
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.356.660.868	73.240.030.633
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	73.356.660.868	73.240.030.633
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.258.140.000	13.258.140.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(4.126.309.696)	(123.164.870)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.326.096.197	3.334.073.508
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.426.740.628	892.628.021
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.471.993.739	5.878.353.974
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		311.731.668.062	232.674.041.182

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	TM	31/12/2010	01/01/2010
1. Ngoại tệ các loại	USD	898,72	1.971.119,62



Cung Quang Hà
 Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Vân
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	218.817.224.487	176.681.538.277
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10	5.19	218.817.224.487	176.681.538.277
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	195.126.214.107	156.333.361.023
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp DV	20		23.691.010.380	20.348.177.254
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	12.087.390.160	6.951.600.100
7. Chi phí tài chính	22	5.21	5.077.791.598	2.748.416.396
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.497.532.797	2.671.546.083
8. Chi phí bán hàng	24		896.814.261	1.071.297.526
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.074.095.868	11.035.206.990
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.729.698.813	12.444.856.442
11. Thu nhập khác	31		601.547.351	159.320.915
12. Chi phí khác	32		210.173.374	57.910.367
13. Lợi nhuận khác	40		391.373.977	101.410.548
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.121.072.790	12.546.266.990
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.22	2.795.499.630	1.327.080.225
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(146.420.579)	186.400.830
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.471.993.739	11.032.785.935
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	2.894	2.207



Cung Quang Hà
 Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Vân
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.121.072.790	12.546.266.990
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.383.374.797	2.445.249.031
Các khoản dự phòng	03	2.354.305.513	1.478.447.129
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.814.772.365)	(6.862.184.105)
Chi phí lãi vay	06	4.497.532.797	2.671.546.083
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	18.541.513.532	12.279.325.128
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(31.384.323.685)	(29.161.432.815)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(69.103.190.194)	4.098.805.774
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	16.774.963.134	54.561.604.882
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(1.187.157.901)	(659.168.759)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.534.897.282)	(2.671.546.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.877.020.677)	(666.910.535)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.303.635.900	114.900.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.574.625.742)	(1.060.750.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(81.041.102.915)	36.834.827.277
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.730.009.214)	(19.163.428.974)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	550.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.498.230.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	9.972.540.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(650.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.275.281.548	262.184.105
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.919.582.334	(18.901.244.869)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	160.334.422.139	106.044.814.340
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(99.066.798.159)	(80.433.445.195)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.903.280.000)	(4.093.694.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	52.364.343.980	21.517.674.967
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(26.757.176.601)	39.451.257.375
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.817.178.364	5.123.664.658
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.242.256.331
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.060.001.763	45.817.178.364



Cung Quang Hà
 Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Vân
 Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp III- Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ- BTM ngày 08/06/1999 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000817 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2002, điều chỉnh lần thứ 9 ngày 05 tháng 10 năm 2009.

Tên tiếng Việt:

Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrlimex

Tên giao dịch quốc tế:

Petrolimex Installation No.III Joint Stock Company

Trụ sở của Công ty đặt tại 232 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh..

Công ty có 3 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc lần lượt đặt tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và 1 Chi nhánh hạch toán báo sổ đặt tại Nhà Bè.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chủ yếu

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu; xây lắp các đường dây và trạm biến thế; xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường; sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, hóa chất, vật tư, thiết bị ngành xăng dầu....

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là trên máy vi tính.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các đơn vị phụ thuộc áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình

Bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft với thời gian khấu hao là 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Hợp đồng xây dựng

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định theo các quy định hiện hành của Nhà nước và trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25 %. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	527.067.998	108.602.166
Tiền gửi Ngân hàng	3.081.245.142	9.328.888.962
Các khoản tương đương tiền	15.451.688.623	36.379.687.236
Tổng	19.060.001.763	45.817.178.364

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	1.275.582.900	1.274.694.900
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	(466.948.300)	(425.358.000)
Tổng	808.634.600	849.336.900

Chi tiết các khoản đầu tư

<u>Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn</u>	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Số tiền tại 31/12/2010</u>
+ Công ty CP Đạm Phú Mỹ	500	40.000.000
+ Công ty CP Khoan Dầu Khí	2.080	222.930.000
+ Công ty CP Cơ Điện Lạnh	1.540	86.000.000
+ Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn	3.500	270.200.000
+ Ngân hàng Sacombank	499	19.808.000
+ Công ty CP Dầu Thực Vật Tường An	500	59.000.000
+ Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu	2.000	81.800.000
+ Công ty CP Vinamilk	900	88.650.000
+ Công ty CP Vitaco	5.241	52.412.000
+ Công ty CP Contrexim 2	3.000	96.000.000
+ Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Petrolimex	6.875	73.500.000
+ Công ty CP Xây Dựng 41	17.900	185.282.900
		1.275.582.900

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2	97.310.000	97.310.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	6.600.000.000
Chi nhánh xưởng cơ khí Bà Hom	759.618.493	-
Phải thu khác	669.105.168	283.536.925
Tổng	1.526.033.661	6.980.846.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	70.942.545.650	499.482.624
Công cụ, dụng cụ	116.606.681	324.065.595
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.862.576.812	41.945.307.780
Hàng hoá	2.878.387.931	1.928.070.881
Tổng	113.800.117.074	44.696.926.880
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.810.014	87.604.668
Giá trị thuần của hàng tồn kho	113.788.307.060	44.609.322.212

5.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	5.373.048.573	3.602.599.290
Tổng	5.373.048.573	3.602.599.290

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	3.662.776.589	18.875.027.709	11.327.178.651	882.612.652	34.747.595.601
Tăng trong năm	3.466.550.612	2.554.077.826	2.642.123.593	39.330.909	8.702.082.940
Mua trong năm	500.000.000	2.554.077.826	2.642.123.593	39.330.909	5.735.532.328
XDCB hoàn thành	2.966.550.612	-	-	-	2.966.550.612
Giảm trong năm	-	267.166.592	-	-	267.166.592
Thanh lý	-	267.166.592	-	-	267.166.592
Tại ngày 31/12	7.129.327.201	21.161.938.943	13.969.302.244	921.943.561	43.182.511.949
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	1.034.986.713	2.532.635.051	2.789.977.908	639.824.508	6.997.424.180
Tăng trong năm	445.068.612	2.463.532.886	1.322.945.953	95.905.801	4.327.453.252
Do trích khấu hao	445.068.612	2.463.532.886	1.322.945.953	95.905.801	4.327.453.252
Giảm trong năm	-	138.134.258	-	-	138.134.258
Thanh lý	-	138.134.258	-	-	138.134.258
Tại ngày 31/12	1.480.055.325	4.858.033.679	4.112.923.861	735.730.309	11.186.743.174
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	2.627.789.876	16.342.392.658	8.537.200.743	242.788.144	27.750.171.421
Tại ngày 31/12	5.649.271.876	16.303.905.264	9.856.378.383	186.213.252	31.995.768.775

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố: 17.513.176.167 đồng.
 Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.682.472.540 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền bằng sáng chế
<u>Năm 2010</u>	
<u>Nguyên giá</u>	
Tại ngày 01/01	146.666.667
Tăng trong năm	146.666.667
Mua trong năm	146.666.667
Tại ngày 31/12	293.333.334
<u>Hao mòn lũy kế</u>	
Tại ngày 01/01	-
Tăng trong năm	39.111.105
Do trích khấu hao	39.111.105
Tại ngày 31/12	39.111.105
<u>Giá trị còn lại</u>	
Tại ngày 01/01	146.666.667
Tại ngày 31/12	254.222.229

5.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bộ kích thủy lực 40 con đội 18 tấn	1.102.094.329	-
Công trình trạm trộn bê tông	-	1.684.972.222
Công trình khác	-	107.617.443
Tổng	1.102.094.329	1.792.589.665

5.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc
<u>Năm 2010</u>	
<u>Nguyên giá</u>	
Tại ngày 01/01	252.156.600
Tại ngày 31/12	252.156.600
<u>Hao mòn lũy kế</u>	
Tại ngày 01/01	41.185.578
Tăng trong năm	16.810.440
Do trích khấu hao	16.810.440
Tại ngày 31/12	57.996.018
<u>Giá trị còn lại</u>	
Tại ngày 01/01	210.971.022
Tại ngày 31/12	194.160.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty TNHH TM Xây Lắp Điện Máy Thăng Long	400.000.000	400.000.000
	400.000.000	400.000.000

5.11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	≠ VND	VND
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết:	58.667.300.000	57.455.200.000
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	57.542.100.000	56.980.000.000
Công ty CP Thiết Kế Xây Lắp Hiệp Thành	475.200.000	475.200.000
Công ty CP DV và TM Petrolimex Lâm Đồng	650.000.000	-
Tổng	58.667.300.000	57.455.200.000

Thông tin chi tiết đầu tư dài hạn khác

	Số lượng cổ phiếu	Số tiền tại 31/12/2010 VND
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết:		
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	5.556.210	57.542.100.000
Công ty CP Thiết Kế Xây Lắp Hiệp Thành	47.520	475.200.000
Công ty CP Dịch Vụ và Thương Mại Petrolimex Lâm Đồng	65.000	650.000.000
Tổng		58.667.300.000

5.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.210.499.810	2.023.341.909
Tổng	3.210.499.810	2.023.341.909

5.13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Năm 2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	159.872.151
Thuế thu nhập hoãn lãi phát sinh từ các khoản trích trước	245.173.587
Thuế thu nhập hoãn lại giảm do hoàn các khoản trích trước	98.753.008
Tại ngày 31 tháng 12	306.292.730

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III -PETROLIMEX

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	91.208.636.728	29.452.064.953
- Ngân hàng Đầu tư phát triển - CN Sài Gòn	23.418.411.751	10.073.972.514
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	62.199.224.977	15.153.099.439
- Vay cá nhân	5.591.000.000	4.224.993.000
Tổng	91.208.636.728	29.452.064.953

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn:

Công ty đã ký các hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn. Thời hạn theo từng hợp đồng vay cụ thể, lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích vay thi công công trình, mua thiết bị.

Hợp đồng 796/2010/HĐ ngày 29/07/2010 với Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng, lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Thời hạn hợp đồng 12 tháng mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh, phát hành LC và bảo lãnh các loại, đảm bảo tiền vay bằng toàn bộ số dư tiền gửi, cầm cố chứng nhận sở hữu cổ phần của PGBank và một số tài sản xe.

Hợp đồng tín dụng hạn mức 0676.SG/HĐTDHM/PGB ngày 10/09/2009, số tiền 224 tỷ đồng, trong đó 124 tỷ là hạn mức tín dụng ngắn hạn, 100 tỷ là hạn mức bảo lãnh dự án Vân Phong và hoạt động khác của Công ty, mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Công ty và thực hiện bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, phục vụ công trình Vân Phong và công trình khác, thời hạn rút vốn 12 tháng, sau 12 tháng sẽ xem xét cấp lại hạn mức của Công ty. Lãi suất hỗ trợ là 4%/ năm, bảo đảm tín dụng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty và quyền đòi nợ (tỷ lệ tối đa 70% giá trị của các quyền đòi nợ) và hợp đồng 260.441/2010 năm 2010, tổng hạn mức cấp tín dụng là 350 tỷ đồng. Thời hạn theo từng hợp đồng vay cụ thể, lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ

5.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	823.500.342	2.191.760.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp	680.729.243	1.327.080.225
Thuế thu nhập cá nhân	697.103.775	99.380.388
Thuế nhà thầu	519.384.859	-
Tổng	2.720.718.219	3.618.221.528

5.16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	829.881.034	609.659.243
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	77.767.819	111.414.591
Bảo hiểm thất nghiệp	14.546.362	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.339.224.711	6.807.728.947
Tổng	8.261.419.926	7.528.802.781

5.17 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	12.981.722.145	13.470.669.940
- Ngân hàng Đầu tư phát triển - CN Sài Gòn	332.000.000	470.000.000
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	12.649.722.145	13.000.669.940
Tổng	12.981.722.145	13.470.669.940

Hợp đồng tín dụng trung hạn 253/2008HD, số tiền 700 triệu, ngày 10/04/2008, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Camry 3.5Q theo Hợp đồng mua bán xe ô tô 447/HĐMB/TESC, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất năm đầu cố định 1,4%/ tháng, lãi suất các năm tiếp theo điều chỉnh theo lãi suất cho vay trung hạn hiện hành của Ngân hàng.

Công ty đã ký các hợp đồng tín dụng trung hạn 670, 684, 0346, 601, 633, 587, 617, 597, 671, 551, 432.441/2010, mục đích mua thanh toán các hợp thiết bị, tài sản, thời hạn vay 36- 60 tháng, lãi suất 0,875%/ tháng, được hỗ trợ lãi suất, thế chấp bằng tài sản đi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III -PETROLIMEX

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

(Đơn vị tính: VND)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2009	50.000.000.000	13.258.140.000	-	1.898.507.390	487.538.286	3.057.626.807	68.701.812.483
Tăng trong năm	-	-	-	1.435.566.118	405.089.735	11.032.785.936	12.873.441.789
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.435.566.118	405.089.735	-	1.840.655.853
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	11.032.785.936	11.032.785.936
Giảm trong năm	-	-	123.164.870	-	-	8.212.058.769	8.335.223.639
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	123.164.870	-	-	-	123.164.870
Trích quỹ	-	-	-	-	-	7.930.571.030	7.930.571.030
Các khoản khác	-	-	-	-	-	281.487.739	281.487.739
Tại ngày 31/12/2009	50.000.000.000	13.258.140.000	(123.164.870)	3.334.073.508	892.628.021	5.878.353.974	73.240.030.633
Tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	13.258.140.000	(123.164.870)	3.334.073.508	892.628.021	5.878.353.974	73.240.030.633
Tăng trong năm	-	-	123.164.870	992.022.689	534.112.607	14.471.993.739	16.121.293.905
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	992.022.689	534.112.607	-	1.526.135.296
Hoàn nhập đánh giá tỷ giá	-	-	123.164.870	-	-	-	123.164.870
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	14.471.993.739	14.471.993.739
Giảm trong năm	-	-	4.126.309.696	-	-	11.878.353.974	16.004.663.670
Trích quỹ	-	-	-	-	-	3.363.549.773	3.363.549.773
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	4.126.309.696	-	-	-	4.126.309.696
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000
Các khoản khác	-	-	-	-	-	14.804.201	14.804.201
Tại ngày 31/12/2010	50.000.000.000	13.258.140.000	(4.126.309.696)	4.326.096.197	1.426.740.628	8.471.993.739	73.356.660.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	35.000.000.000	35.000.000.000
Tổng	50.000.000.000	50.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19 DOANH THU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	16.300.363.184	16.365.984.937
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.912.085.332	5.287.193.078
Doanh thu hợp đồng xây dựng	191.604.775.971	155.028.360.262
Tổng	218.817.224.487	176.681.538.277

5.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	13.884.928.394	14.261.871.376
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(75.794.654)	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.298.977.679	3.913.503.975
Giá vốn xây lắp	171.018.102.688	138.157.985.672
Tổng	195.126.214.107	156.333.361.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 DOANH THU - CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.005.541.699	228.852.705
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.606.163.686	89.415.995
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.745.260.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	27.633.375	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.702.791.400	6.633.331.400
Tổng	12.087.390.160	6.951.600.100
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	4.497.532.797	2.671.546.083
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	536.516.737	89.206.087
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	41.590.300	(12.366.508)
Chi phí tài chính khác	2.151.764	30.734
Tổng	5.077.791.598	2.748.416.396
Thu nhập tài chính - thuần	7.009.598.562	4.203.183.704

5.22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.121.072.790	12.546.266.990
Các khoản điều chỉnh tăng	1.158.729.162	780.477.231
- Tiền phạt vi phạm thuế, hóa đơn không hợp lệ	131.954.813	140.988.627
- Lương ban kiểm soát	46.080.000	-
- Chi phí trích trước công trình	980.694.349	639.488.604
Các khoản điều chỉnh giảm	7.097.803.432	8.018.423.322
- Doanh thu cổ tức	6.702.791.400	6.633.331.400
- Hoàn nhập chi phí trích trước	395.012.032	977.851.013
- Hoàn nhập doanh thu chưa thực hiện	-	407.240.909
Lợi nhuận tính thuế	11.181.998.520	5.308.320.899
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.795.499.630	1.327.080.225
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN bị truy thu	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.795.499.630	1.327.080.225

5.23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.471.993.739	11.032.785.935
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.471.993.739	11.032.785.935
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.894	2.207

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III -PETROLIMEX

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.138.410.817	68.804.072.534
Chi phí nhân công	23.012.231.052	22.972.629.377
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.383.374.797	2.448.491.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài (thầu phụ)	1.263.747.906	1.274.308.747
Chi phí sản xuất khác bằng tiền	2.106.850.207	2.058.489.314
Tổng	99.904.614.779	97.557.991.197

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND
Ban Giám đốc	Lương	552.035.819
Hội đồng Quản trị	Thù lao	241.920.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	115.200.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND
Công ty Xăng dầu khu vực II	Doanh thu bán hàng	25.170.486.122
Công ty CP xây lắp I Petrolimex	Doanh thu bán hàng	92.279.177.438
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Doanh thu bán hàng	3.251.334.969
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Doanh thu bán hàng	4.566.913.803
Các đơn vị khác trong Tổng Công ty	Doanh thu bán hàng	12.242.186.735
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	Cổ tức được nhận	6.600.000.000
Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco	Cổ tức được nhận	1.572.400
Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu	Cổ tức được nhận	1.200.000
Đường Thủy 1 VIPCO		

Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2010 VND
Công ty TNHH TM Xây Lắp	Đầu tư Công ty liên kết	400.000.000
Điện Máy Thăng Long		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Đầu tư dài hạn khác	57.542.100.000
Công ty CP Thiết Kế Xây Lắp Hiệp Thành	Đầu tư dài hạn khác	475.200.000
Công ty CP Dịch Vụ Và Thương Mại Petrolimex Lâm Đồng	Đầu tư dài hạn khác	650.000.000
Công ty CP Xây Lắp I Petrolimex	Phải thu khách hàng	3.542.952.598
Các đơn vị khác trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	1.505.135.469
Công ty CP Xây Lắp I Petrolimex	Trả trước cho người bán	2.897.019.308

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

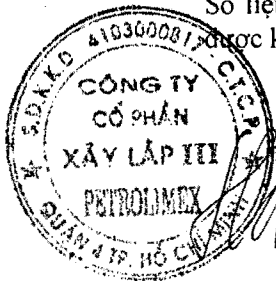
Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2010
		VND
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Petrolimex	Phải trả nhà cung cấp	127.066.103
Công ty CP Gas Petrolimex	Phải trả nhà cung cấp	128.969.984
Công ty CP Xây Lắp I Petrolimex	Khách hàng ứng trước	52.231.478.894
Các đơn vị khác trong Tổng Công ty	Khách hàng ứng trước	8.224.435.252

6.2 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán D.T.L với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Cung Quang Hà
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011


Nguyễn Thị Vân
Kế toán trưởng

